

Số: 1047/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 17 tháng 3 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học  
trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non, mã ngành 7140201

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4799/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 1021/QĐ-ĐHCT ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non, mã ngành 7140201;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Sư phạm và Trưởng phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non, mã ngành 7140201 của Trường Đại học Cần Thơ.

**Điều 2.** Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học ban hành tại Điều 1 được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh sau ngày 01 tháng 01 năm 2023 và áp dụng cho các hình thức đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Cần Thơ.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Các ông/bà Trưởng Phòng: Đào tạo, Tài chính, Công tác sinh viên, Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng, Trưởng khoa Sư phạm, Trưởng các đơn vị, viên chức và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Trung Tính

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
KHOA SƯ PHẠM  
BỘ MÔN GIÁO DỤC TIỂU HỌC – MẦM NON**



**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

**Cần Thơ, tháng 3 năm 2023**

**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

**I. Mô tả chương trình đào tạo**

Căn cứ Quyết định số 1021/QĐ-ĐHCT ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non được mô tả như sau:

**1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

Tên chương trình (tiếng Việt)	Giáo dục Mầm non
Tên chương trình (tiếng Anh)	Preschool Education
Mã số ngành đào tạo	7140201
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Giáo dục Mầm non
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo (đạt 141 tín chỉ); điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh phải đạt từ 5.0 trở lên (theo thang điểm 10); - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	Giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Có năng lực học tập suốt đời; có khả năng học lên trình độ sau đại học. - Có khả năng thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	- Quyết định 1982/QĐ - TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam. - Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ban hành ngày 08/10/2018 về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

	<p>- Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.</p> <p>- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học</p> <p>- Thông tư 01/VBHN-BGD&amp;ĐT ngày 28/4/2021 Văn bản hợp nhất ban hành về Chương trình Giáo dục Mầm non.</p> <p>- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.</p> <p>- Quyết định 4799/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 10 năm 2022 Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Cần Thơ.</p> <p>- Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông và các chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non của Trường ĐHSP Hà Nội; Trường Đại học Sài Gòn; Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo giáo viên mầm non của Khoa Sư phạm và Tâm lý - Đại học Kokkola - Phần Lan; Chuẩn đầu ra và Chương trình Chương trình Đào tạo Cử nhân Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) của Khoa Đào tạo Giáo viên, Trường Đại học Phranakhon Rajabhat, Thái Lan.</p>
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 3 năm 2023

## 2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học đào tạo sinh viên trở thành người giáo viên mầm non có năng lực nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, quản lý và nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục mầm non; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non để phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế; có khả năng thích nghi với môi trường giáo dục; có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ Nhân dân; có khả năng tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học:

a. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng và an ninh; kiến thức cơ bản về tự nhiên, văn hoá, xã hội và con người; kiến thức ngoại ngữ và công nghệ thông tin để vận dụng vào thực tiễn.

b. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực phát triển thể chất, phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ, phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

c. Hình thành cho sinh viên phẩm chất, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và hội nhập quốc tế.

d. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng mềm phù hợp với chuyên ngành Giáo dục Mầm non để học tập và nghiên cứu ở các bậc học cao hơn tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.

e. Hình thành cho sinh viên phẩm chất, tác phong sư phạm, đạo đức nghề nghiệp phù hợp với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non hiện hành.

### **3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Hoàn thành chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ đại học, người học có khả năng:

#### **3.1. Kiến thức**

##### **3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương**

a. Trình bày được kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, giáo dục quốc phòng và an ninh.

b. Trình bày được kiến thức cơ bản về tự nhiên, văn hoá, xã hội và con người.

##### **3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành**

a. Tổng hợp được kiến thức về tâm lý, giáo dục, lý luận dạy học, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, quản lý hành chính Nhà nước về giáo dục và phát triển chương trình làm nền tảng cho việc học tập, nghiên cứu và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.

b. Trình bày và phân tích được kiến thức cơ bản về cấu tạo giải phẫu, sinh lý, dinh dưỡng, vệ sinh phòng bệnh và phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ; ngôn ngữ, toán học, môi trường, văn học và nghệ thuật ở trường mầm non.

##### **3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành**

a. Vận dụng được các phương pháp tổ chức thực hiện và đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và phát triển thể chất cho trẻ ở trường mầm non.

b. Vận dụng được các phương pháp tổ chức thực hiện và đánh giá các hoạt động phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ.

c. Vận dụng được các phương pháp tổ chức thực hiện và đánh giá các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

#### **3.2. Kỹ năng**

##### **3.2.1. Kỹ năng cứng**

a. Phát triển chương trình; nghiên cứu khoa học; tổ chức, quản lý nhóm, lớp; xử lý tình huống sư phạm; phòng chống tai nạn, thương tích cho trẻ và thiết kế đồ dùng, đồ chơi.

b. Thiết kế và tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục toàn diện phù hợp đặc điểm của trẻ và điều kiện thực tiễn; đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.

c. Xây dựng và phát triển mối quan hệ nhà trường - gia đình - xã hội; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ.

##### **3.2.2. Kỹ năng mềm**

a. Sử dụng được tiếng nước ngoài để giao tiếp, học tập và nghiên cứu phục vụ cho các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường mầm non (Bậc 3, B1 hoặc tương đương); khai thác và sử dụng được thiết bị công nghệ thông tin, một số phần mềm thông dụng, kiến thức và kỹ năng tích hợp về nghệ thuật, phục vụ cho hoạt động giáo dục trong trường mầm non.

b. Lập kế hoạch, giao tiếp, hợp tác, phản biện và giải quyết vấn đề hiệu quả trong quá trình học tập và nghiên cứu.

#### **3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân**

- a. Tham gia tích cực công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn bản thân.
- b. Thực hiện đạo đức nghề nghiệp; yêu thích cái đẹp, sáng tạo trong lao động; yêu nghề, yêu trẻ; hành xử đúng mực.
- c. Tuân thủ Hiến pháp và Pháp luật.

#### **4. Tiêu chí tuyển sinh**

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

## 5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

### 5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (2)	Chuẩn đầu ra (2)												
	Kiến thức (2.1)				Kỹ năng (2.2)				Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)				
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)		Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)		
	a	b	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c
1.2a	x												
1.2b		x	x										
1.2c					x	x		x			x	x	x
1.2d									x		x	x	x
1.2e											x	x	x

### 5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra

TT	MSHP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (2)												Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)		
			Kiến thức (2.1)				Kỹ năng (2.2)										
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)		Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)				
a	b	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c		
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>																	
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)														1	1
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)														1	1
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)														1	1
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)														1	1
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+													1	1
			2+														
			3														
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)												1	1	1	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)												1	1	1	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)												2	1	1	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)												1	1	1	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)												1	1	1	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)												2	1	1	

Học phần		Chuẩn đầu ra (2)															Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)																					
		Kiến thức (2.1)					Kỹ năng (2.2)					Kỹ năng cứng (2.2.1)								Kỹ năng mềm (2.2.2)																		
		Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Khối kiến thức cứng (2.2.1)		Khối kiến thức mềm (2.2.2)																											
		a	b	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b				c	a	b	c															
<b>TT</b>	<b>MSHP</b>	<b>Tên học phần</b>															<b>a</b>	<b>b</b>	<b>c</b>																			
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)																		1	1				1													
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)																		1	1				1													
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)																				2	1				1											
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)																				1	1				1											
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)																				1	1				1											
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)																				2	1				1											
18	TN033	Tin học căn bản (*)																				1	1				1											
19	TN034	TT.Tin học căn bản (*)																				2	1				1											
20	ML014	Triết học Mác - Lênin															1									1			1									
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin															1									1			1									
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học															1									1			1									
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam															2									1			1									
24	ML021	Tu tưởng Hồ Chí Minh															2									1			1									
25	KL001	Pháp luật đại cương															1									1			1									
26	ML007	Logic học đại cương															1									1			1									
27	XH028	Xã hội học đại cương															1									1			1									
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam															1									1			1									
29	XH012	Tiếng Việt thực hành															1									1			1									
30	XH014	Văn bản và lưu trữ đại cương															1									1			1									
31	KN001	Kỹ năng mềm															1											2			1							
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp															1											1			1							
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>																																						
33	SP009	Tâm lý học đại cương															1													1	1	1	1					
34	SG058	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non															2													2	1	1	1	1				
35	SG059	Giáo dục học mầm non															2														2	1	2	2	1			
36	SG011E	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT															1													1		1	1	1	1	2		



Học phần		Chuẩn đầu ra (2)																			
		Kiến thức (2.1)						Kỹ năng (2.2)						Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)							
		Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)			Kỹ năng mềm (2.2.2)										
		a	b	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b							a	b
TT	MSHP	Tên học phần																			
37	SG060	Giáo dục hòa nhập trong trường mầm non																			
38	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững																			
39	SG061	Giáo dục sớm trong bối cảnh giáo dục mầm non																			
40	SG062	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong trường mầm non																			
41	SG063	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non				1				1											
42	SG064E	Lý luận dạy học mầm non				1				1										1	
43	SG065E	Vệ sinh và phòng bệnh trẻ em				1				1										1	
44	SG066E	Dinh dưỡng trẻ em				1				1										1	
45	SG067E	Sinh lý học trẻ em				1				1										1	
46	SG068	Âm nhạc cơ bản				1						2		1		1		1		1	
47	SG069	Nhạc cụ				1						2		1		1		1		1	
48	SG070	Nghệ thuật múa cơ bản				1						2		1		1		1		1	
49	SG071	Nghệ thuật tạo hình cơ bản				1						2		1		1		1		1	
50	SG072E	Văn học trẻ em				2				1				1		1		1		1	
51	SG073E	Toán cơ sở				2				1				1		1		1		1	
52	SG074E	Tiếng Việt cơ sở				1				1		2				2		1		1	
53	SG075	Thực tế ngoài trường				1						2						2		2	
54	SG076E	Phát triển chương trình giáo dục mầm non				2				2		1		1		1		1		2	

Học phần		Chuẩn đầu ra (2)															
		Kiến thức (2.1)						Kỹ năng (2.2)			Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)						
		Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)			Kỹ năng mềm (2.2.2)			Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)			
		a	b	a	b	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a
TT	MSHP	Tên học phần															
55	SG077	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non															
56	SG078	Giáo dục cảm xúc xã hội cho trẻ mầm non															
57	SG079	Sơ cứu và phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ mầm non															
58	SG451E	Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non															
59	SG453	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường mầm non															
60	SG469	Thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ															
61	SG470	Phương pháp đọc kể diễn cảm															
62	SG471	Kiến tập Sư phạm giáo dục mầm non															
63	SG472	Thực tập Sư phạm giáo dục mầm non															
64	SG473	Phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh															
65	SG474	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non															
66	SG475	Phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non															
67	SG476	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non															
68	SG477	Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học															
69	SG478	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non															
70	SG479	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non															
71	SG480	Phương pháp dạy học âm nhạc cho trẻ mầm non															

Học phần		Chuẩn đầu ra (2)														Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)		
		Kiến thức (2.1)				Kỹ năng (2.2)												
		Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)								
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	b	a	b	a	b	a	b	a	b	a	b	c	
72	SG481	Tổ chức hoạt động Giáo dục STEM/STEAM trong trường mầm non			1				1				1	1	1			1
73	SG482	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục mầm non			1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
74	SG483	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non				2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1		
75	SG484	Giáo dục đặc biệt và can thiệp sớm						2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	
76	SG485E	Tham vấn trong giáo dục mầm non			2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	
77	SG486	Quản lý nhóm, lớp ở trường mầm non			1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1
78	SG487E	Giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non			1				1			1	1	1	1	1		1
79	SG488	Các mô hình giáo dục mầm non						1	2	2	1	2	1	2	1	2	1	
80	SG489	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1			1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1
81	SG491	Luận văn tốt nghiệp giáo dục mầm non			3	3	2	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1
82	SG490	Tiểu luận tốt nghiệp giáo dục mầm non			2	2	2	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1
83	SG051	Trò chơi hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non			2				2	1	1			1	1	2	2	
84	SG052E	Tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo			1			2					2	1	2	1	1	1
85	SG053	Dàn dựng ca múa nhạc ở trường mầm non								2			2		2	2	2	1
86	SG054	Mỹ thuật ứng dụng ở trường mầm non					2						2		2	2	2	
87	SG055E	Xây dựng môi trường tâm lý xã hội ở trường mầm non								2	1	1	2	1	1	1	1	1

Học phần		Chuẩn đầu ra (2)											Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)				
		Kiến thức (2.1)				Kỹ năng (2.2)			Kỹ năng cứng (2.2.1)							Kỹ năng mềm (2.2.2)	
		Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)											
TT	MSHP	a	b	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c			
88	SG056	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non															

Ghi chú: 1, 2, 3 là mức độ đóng góp của mỗi học phần trong chương trình đào tạo.

Mức độ đóng góp:

1. Giới thiệu - làm quen: Người học biết và trình bày được kiến thức một cách sơ lược; thực hiện được kỹ năng ở mức độ lặp lại được thao tác.
2. Vận dụng/Tăng cường: Người học hiểu và vận dụng được kiến thức; thực hiện được các kỹ năng ở mức độ thao tác.
3. Thông thạo: Người học vận dụng kiến thức và kỹ năng ở mức độ thông thạo

## II. Mô tả chương trình dạy học

Căn cứ Quyết định số 1021/QĐ-ĐHCT ngày-16 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, chương trình dạy học ngành Giáo dục Mầm non được mô tả như sau:

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa : 141 tín chỉ

Khối kiến thức giáo dục đại cương : 39 tín chỉ (Bắt buộc: 24 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)

Khối kiến thức cơ sở ngành : 44 tín chỉ (Bắt buộc: 40 tín chỉ; Tự chọn: 4 tín chỉ)

Khối kiến thức chuyên ngành : 58 tín chỉ (Bắt buộc: 44 tín chỉ; Tự chọn: 14 tín chỉ)

### 2. Khung chương trình đào tạo

	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Học kỳ thực hiện
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			Bổ trí theo nhóm ngành
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			Bổ trí theo nhóm ngành
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16			Bổ trí theo nhóm ngành
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			Bổ trí theo nhóm ngành
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I, II, III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4			60				I, II, III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023	I, II, III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024	I, II, III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025	I, II, III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031	I, II, III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032	I, II, III
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I, II, III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001	I, II, III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002	I, II, III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003	I, II, III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			FL007	I, II, III

17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45			FL008	I, II, III
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I, II, III
19	TN034	TT.Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I, II, III
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I, II, III
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I, II, III
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I, II, III
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I, II, III
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I, II, III
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				I, II, III
26	ML007	Logic học đại cương	2			30				I, II, III
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I, II, III
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I, II, III
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2		2	30				I, II, III
30	XH014	Văn bản và lưu trữ đại cương	2			30				I, II, III
31	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I, II, III
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I, II, III

**Cộng: 39 TC (Bắt buộc 24 TC; Tự chọn: 15 TC)**

**Khối kiến thức cơ sở ngành**

33	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				I, II, III
34	SG058	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	3		45		SP009		I, II
35	SG059	Giáo dục học mầm non	3	3		30	30	SG058		I, II
36	SG011E	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				I, II, III
37	SG060	Giáo dục hòa nhập trong trường mầm non	2	2		30				I, II
38	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2			30				I, II
39	SG061	Giáo dục sớm trong bối cảnh giáo dục mầm non	2		2	30				I, II
40	SG062	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong trường mầm non	2			30				I, II
41	SG063	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	2	2		30				I, II
42	SG064E	Lý luận dạy học mầm non	2	2		30				I, II
43	SG065E	Vệ sinh và phòng bệnh trẻ em	2	2		30				I, II
44	SG066E	Dinh dưỡng trẻ em	2	2		30				I, II
45	SG067E	Sinh lý học trẻ em	2	2		30				I, II

46	SG068	Âm nhạc cơ bản	2	2		15	30			I, II
47	SG069	Nhạc cụ	2	2			60			I, II
48	SG070	Nghệ thuật múa cơ bản	2	2		15	30			I, II
49	SG071	Nghệ thuật tạo hình cơ bản	3	3		15	60			I, II
50	SG072E	Văn học trẻ em	2	2		30				I, II
51	SG073E	Toán cơ sở	2	2		30				I, II
52	SG074E	Tiếng Việt cơ sở	2	2		30				I, II
53	SG075	Thực tế ngoài trường	1	1			30			I, II
54	SG076E	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	2	2		30				I, II
55	SG077	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2			30				I, II
56	SG078	Giáo dục cảm xúc xã hội cho trẻ mầm non	2		2	30				I, II
57	SG079	Sơ cứu và phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ mầm non	2			15	30			I, II
<b>Cộng: 44 TC (Bắt buộc 40 TC; Tự chọn: 4 TC)</b>										
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>										
58	SG451E	Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	2	2		30				I, II
59	SG453	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường mầm non	2	2		15	30			I, II
60	SG469	Thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ	2	2		15	30			I, II
61	SG470	Phương pháp đọc kể diễn cảm	3	3		30	30	SG072E		I, II
62	SG471	Kiến tập Sư phạm giáo dục mầm non	2	2			60	SG059		I
63	SG472	Thực tập Sư phạm giáo dục mầm non	3	3			90	SG471		II
64	SG473	Phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	3	3		15	60			I, II
65	SG474	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	3		15	60			I, II
66	SG475	Phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non	3	3		15	60	SG070		I, II
67	SG476	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	3		30	30			I, II
68	SG477	Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	3	3		30	30			I, II
69	SG478	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	3		15	60	SG071		I, II
70	SG479	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	3	3		15	60			I, II
71	SG480	Phương pháp dạy học âm nhạc cho trẻ mầm non	3	3		15	60	SG068		I, II
72	SG481	Tổ chức hoạt động Giáo dục STEM/STEAM trong trường mầm non	2	2		15	30			I, II
73	SG482	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục mầm non	2	2			60			I, II
74	SG483	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	2		15	30			I, II
75	SG484	Giáo dục đặc biệt và can thiệp sớm	2			30				I, II
76	SG485E	Tham vấn trong giáo dục mầm non	2			30				I, II
77	SG486	Quản lý nhóm, lớp ở trường mầm non	2			30				I, II
78	SG487E	Giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non	2		4	30				I, II
79	SG488	Các mô hình giáo dục mầm non	2			30				I, II
80	SG489	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	2			15	30			I, II
81	SG491	Luận văn tốt nghiệp giáo dục mầm non	10		10		300	≥105TC		I, II
82	SG490	Tiểu luận tốt nghiệp giáo dục mầm non	4				120	≥105TC		I, II

83	SG051	Trò chơi hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	2		15	30			I, II
84	SG052E	Tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo	2		15	30			I, II
85	SG053	Dàn dựng ca múa nhạc ở trường mầm non	2			60			I, II
86	SG054	Mỹ thuật ứng dụng ở trường mầm non	2			60			I, II
87	SG055E	Xây dựng môi trường tâm lý xã hội ở trường mầm non	2		30				I, II
88	SG056	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non	2		15	30			I, II
<b>Cộng: 58 TC (Bắt buộc: 44 TC; Tự chọn: 14 TC)</b>									
<b>Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 108 TC; Tự chọn: 33 TC)</b>									

### 3. Kế hoạch giảng dạy

Tất cả các học phần đều được giảng dạy trong mỗi học kỳ, sinh viên sẽ đăng ký học phần cho riêng mình vào đầu mỗi học kỳ tùy theo kế hoạch học tập của mỗi sinh viên.

Kế hoạch đào tạo:

Thiết kế kế hoạch đào tạo chuẩn: bố trí các học phần theo từng học kỳ. Tuy nhiên trong quá trình đào tạo theo tín chỉ, sinh viên có thể học nhanh, học chậm tùy theo năng lực.

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
<b>Học kỳ 1</b>									
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8		Bố trí theo nhóm ngành
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8		Bố trí theo nhóm ngành
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16		Bố trí theo nhóm ngành
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56		Bố trí theo nhóm ngành
5	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30			
6	SG074E	Tiếng Việt cơ sở	2	2		30			
7	SG073E	Toán cơ sở	2	2		30			
		<b>Cộng</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>0</b>				
<b>Học kỳ 2</b>									
8	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		30			
9	TC100	Giáo dục thể chất 1,2,3 (*)	1+1 +1		3		30		SV chọn
10	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60			SV tự chọn
	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4						
	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			45			
	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4						
11	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			
12	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		
13	SG068	Âm nhạc cơ bản	2	2		15	30		
14	SG067E	Sinh lý học trẻ em	2	2		30			
15	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30			
		<b>Cộng</b>	<b>19</b>	<b>12</b>	<b>7</b>				
<b>Học kỳ 3</b>									
16	ML0116	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		45		ML014	



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
17	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45			SV tự chọn
	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			
	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			
	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			
18	SG063	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	2	2		30			
19	SG060	Giáo dục hòa nhập trong trường mầm non	2	2	2	30			
	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2			30			
	SG061	Giáo dục sớm trong bối cảnh giáo dục mầm non	2			30			
	SG062	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong trường mầm non	2			30			
20	SG070	Nghệ thuật múa cơ bản	2	2		15	30		
21	SG071	Nghệ thuật tạo hình cơ bản	3	3		15	60		
22	SG058	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	3		45		SP009	
23	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			SV tự chọn
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
	KN001	Kỹ năng mềm	2			30			
	SG011	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			30			
		<b>Cộng</b>	<b>21</b>	<b>14</b>	<b>7</b>				
<b>Học kỳ 4</b>									
22	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024	SV tự chọn
25	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		XH005	
26	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	
27	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008	
28	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
29	SG059	Giáo dục học mầm non	3	3		45		SG058	
30	SG066E	Dinh dưỡng trẻ em	2	2		30			
31	SG065E	Vệ sinh và phòng bệnh trẻ em	2	2		30			
32	SG453	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường mầm non	2	2		15	30		
33	SG064E	Lý luận dạy học mầm non	2	2		30			
34	SG011E	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30			
35	SG069	Nhạc cụ	2	2			60		
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>17</b>	<b>3</b>				
<b>Học kỳ 5</b>									
36	SG471	Kiến tập sư phạm giáo dục mầm non	2	2			60	SG059	
37	SG076E	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	2	2		30			
38	SG079	Sơ cứu và phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ mầm non	2	2	2	15	30		
39	SG077	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2			30			

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
40	SG078	Giáo dục cảm xúc xã hội cho trẻ mầm non	2			30			
41	SG469	Thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ	2	2		15	30		
42	SG476	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	3		30	30		
43	SG473	Phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	3	3		15	60		
44	SG072E	Văn học trẻ em	2	2		30			
45	SG483	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	2		15	30		
		<b>Cộng</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>2</b>				
<b>Học kỳ 6</b>									
46	SG451E	Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	2	2		30			
47	SG482	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục mầm non	2	2			60		
48	SG470	Phương pháp đọc kể diễn cảm	3	3		30	30	SG072E	
49	ML019	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
50	SG474	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	3		15	60		
51	SG475	Phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non	3	3		15	60		
52	SG478	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	3		15	60		
53	SG075	Thực tế ngoài trường	1	1			30		
		<b>Cộng</b>	<b>19</b>	<b>19</b>					
<b>Học kỳ 7</b>									
54	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
55	SG480	Phương pháp dạy học âm nhạc cho trẻ mầm non	3	3		15	60		
56	SG481	Tổ chức hoạt động Giáo dục STEM/STEAM trong trường mầm non	2	2		15	30		
57	SG477	Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	3	3		30	30		
58	SG479	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	3	3		15	60		
59	SG484	Giáo dục đặc biệt và can thiệp sớm	2			30			
60	SG485E	Tham vấn trong giáo dục mầm non	2			30			
	SG486	Quản lý nhóm, lớp ở trường mầm non	2			30			
	SG487E	Giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non	2		4	30			
	SG488	Các mô hình giáo dục mầm non	2			30			
	SG489	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	2			15	30		
		<b>Cộng</b>	<b>17</b>	<b>13</b>	<b>4</b>				
<b>Học kỳ 8</b>									
61	SG472	Thực tập Sư phạm giáo dục mầm non	3	3			90	SG471	
62	SG491	Luận văn tốt nghiệp giáo dục mầm non	10				300	≥105TC	SV tự chọn làm LVTN, TLTN
	SG490	Tiểu luận tốt nghiệp giáo dục mầm non	4				120	≥105TC	
	SG051	Trò chơi hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	2		10	15	30		
	SG052E	Tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo	2			15	30		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
	SG053	Dàn dựng ca múa nhạc ở trường mầm non	2				60		<i>hoặc HP thay thế</i>
	SG054	Mỹ thuật ứng dụng ở trường mầm non	2				60		
	SG055E	Xây dựng môi trường tâm lý xã hội ở trường mầm non	2			30			
	SG056	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non	2			15	30		
		<b>Cộng</b>	<b>13</b>	<b>3</b>	<b>10</b>				
		<b>Tổng</b>	<b>141</b>	<b>108</b>	<b>33</b>				

#### 4. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Sinh viên phải xây dựng kế hoạch học tập (KHHT) toàn khóa bằng cách liệt kê các học phần phải học cho từng học kỳ (HK) của khóa học. KHHT phải được cố vấn học tập (CVHT), Bộ môn và Khoa quản lý ngành học duyệt. KHHT là cơ sở để SV đăng ký học phần trong mỗi HK.

Đầu mỗi HK, trường thông báo cho SV những học phần sẽ giảng dạy trong HK đó và thời khóa biểu (TKB) của từng học phần tương ứng.

SV phải thực hiện đăng ký học phần trước khi HK mới bắt đầu (SV mới trúng tuyển, không phải đăng ký học phần cho HK đầu tiên của khóa học). Các học phần đăng ký phải theo KHHT.

Trước mỗi học kỳ, sinh viên vào hệ thống lập KHHT, sinh viên chỉ được đăng ký học phần cho học kỳ đó khi có lập kế hoạch học tập.

Mỗi năm học được tổ chức thành 3 học kỳ: 2 học kỳ chính và học kỳ phụ.

HK chính kéo dài 20 tuần; trong đó gồm 15 tuần học, 1 tuần dự trữ và thi những học phần lẻ, 2 tuần thi học phần chung, 1 tuần xử lý kết quả và 1 tuần nghỉ giữa hai HK. HK1/năm học x-x+1 bắt đầu vào đầu tháng 8 đến cuối tháng 12, HK2/năm học x-x+1 bắt đầu vào đầu tháng 1 đến cuối tháng 5.

HK III là học kỳ phụ kéo dài 8 tuần; trong đó gồm 5 tuần học, 3 tuần thi và xử lý kết quả. HK III bắt đầu vào giữa tháng 5 đến cuối tháng 6. HK III giúp SV rút ngắn thời gian học, cải thiện kết quả học tập. Không bắt buộc SV phải học HK III. Kết quả học tập của HK III không dùng vào việc xét học bổng, khen thưởng, kỷ luật SV.

Hàng năm, SV được xét TN vào các tháng 1, 6, 8 sau khi kết thúc các HK; được nhận Quyết định và Giấy chứng nhận tốt nghiệp vào tháng tiếp theo. SV nhận bằng tốt nghiệp vào tháng 3 và tháng 8. Lễ trao bằng tốt nghiệp được tổ chức vào tháng 4 và tháng 9.

#### 5. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, Phòng chống địch tiến công bằng VKCNC, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (Cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Giới thiệu lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1	Học phần <i>Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3</i> là học phần chung tương ứng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1 (TC003), Taekwondo 2 (TC004), Taekwondo 3 (TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Khoa Giáo dục Thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Học phần <i>Anh văn căn bản 1</i> cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ B1 cho sinh viên theo khung 6 bậc (Vstep Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Học phần <i>Anh văn căn bản 2</i> cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ B1 cho sinh viên theo khung 6 bậc (Vstep Việt Nam).	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Học phần <i>Anh văn căn bản 3</i> cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ B1 cho sinh viên theo khung 6 bậc (Vstep Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần <i>Anh văn tăng cường 1</i> (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần <i>Anh văn tăng cường 2</i> (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần <i>Anh văn tăng cường 3</i> (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính v.v... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản.	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian.v.v.. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ, ... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ ... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.	Khoa Ngoại ngữ
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như giới thiệu các thành viên trong gia đình; làm quen với một người; kể lại những hoạt động thường ngày; miêu tả người, nơi ở; so sánh về số lượng hoặc chất lượng;... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần <i>Pháp văn tăng cường 2</i> cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về thói quen ăn uống, thể thao, việc làm, giáo dục, giao tiếp và giải trí.	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần <i>Pháp văn tăng cường 3</i> sẽ cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về diễn đạt quan điểm khi nói, nói về những kỉ niệm, những chuyến du lịch, về thói quen, động lực cá nhân, tường thuật lại lời nói của người khác.	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT.Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng 3 dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	ML014	Triết học Mác-Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác – Lênin. Bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học Chính trị
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin; Hàng hóa thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Nội dung học phần trình bày về đường lối của Đảng CSVN từ năm 1930 đến nay. Qua đó, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Sư phạm
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành Bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	Khoa Khoa học Chính trị
26	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện. 7. Cấu trúc.	Khoa Luật
27	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4, rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				bản.	
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học <i>Văn bản và lưu trữ học đại cương</i> nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
31	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng quản lý cảm xúc và kỹ năng tìm việc và phỏng vấn tuyển dụng.	Trung tâm tư vấn – hỗ trợ và khởi nghiệp sinh viên
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm tư vấn – hỗ trợ và khởi nghiệp sinh viên
33	SP009	Tâm lý học đại cương	2	Học phần <i>Tâm lý học đại cương</i> trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương như: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng, nguyên tắc phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; Bản chất hiện tượng tâm lý con người; Những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; Tình cảm; Ý chí; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách. Học phần tâm lý học đại cương làm nền tảng cho sinh viên tiếp tục nghiên cứu các học phần cơ sở ngành khác có liên quan như: Tâm lý học sư phạm, tâm lý học tội phạm, tâm lý học xã hội.	Khoa Sư phạm
34	SG058	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	Học phần <i>Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non</i> cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận chung về tâm lý học trẻ em như: đối tượng, nhiệm vụ, vị trí, ý nghĩa, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học trẻ em, các quy luật phát triển tâm lý trẻ em; Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mầm non từ 0 đến 6 tuổi như: đặc điểm phát triển tâm lý trẻ hai nhi; đặc điểm phát triển hoạt động, các chức năng tâm lý và tiền đề hình thành nhân cách trẻ em lứa tuổi ấu nhi; đặc điểm phát triển hoạt động, đặc điểm phát triển trí tuệ, đặc điểm phát triển tình cảm xã hội; đặc điểm phát triển nhân cách tuổi mẫu giáo. Sinh viên được trao đổi, thảo luận, tìm hiểu và nghiên cứu để tìm hiểu sâu hơn về đặc điểm học sinh mầm non ở từng độ tuổi nhằm trang bị tri thức nền để thiết kế các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.	Khoa Sư phạm
35	SG059	Giáo dục học mầm	3	Học phần <i>Giáo dục học mầm non</i> cung cấp cho sinh viên những	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		non		kiến thức – kỹ năng cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục – dạy học cho trẻ ở trường mầm non. Học phần gồm ba phần chính: những vấn đề chung của giáo dục mầm non (đối tượng, nhiệm vụ, quan điểm, nguyên tắc...); tổ chức hoạt động dạy học ở trường mầm non (mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và soạn giáo án); hoạt động giáo dục ở trường mầm non (chế độ sinh hoạt, lao động, kỹ năng sống, giáo dục hòa nhập...), chuẩn bị cho trẻ vào lớp. Trong quá trình học, sinh viên được hướng dẫn tìm hiểu, nghiên cứu về những tri thức này để làm nền tảng cho việc thiết kế, tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non.	
36	SG011E	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước, Nhà nước Cộng hòa XHCN; Quản lý, Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, vai trò vị trí của nhà trường và nhà giáo. Giúp người học nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục. Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.	Khoa Sư phạm
37	SG060	Giáo dục hòa nhập trong trường mầm non	2	Học phần <i>Giáo dục hòa nhập trong trường mầm non</i> trình bày những kiến thức nền tảng về giáo dục hòa nhập bao gồm: Khái niệm giáo dục hòa nhập; đối tượng, nhiệm vụ của giáo dục hòa nhập; phương thức nghiên cứu giáo dục hòa nhập; tính tất yếu của giáo dục hòa nhập; các phương pháp tiếp cận, giáo dục và dạy học trẻ khuyết tật; và đánh giá kết quả giáo dục hoà nhập. Trên cơ sở đó, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về nhận diện và phân loại các dạng khuyết tật; phân tích khả năng và nhu cầu của trẻ ở những dạng khuyết tật khác nhau. Đồng thời, học phần mô tả những nội dung giáo dục và dạy học hòa nhập, bao gồm: mục tiêu, yêu cầu trong dạy học hòa nhập; lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch trong giáo dục và dạy học cho học sinh hoà nhập, tiến hành thực hiện bài học; đánh giá kết quả giáo dục và dạy học hòa nhập. Ngoài ra, sinh viên rèn luyện kỹ năng kết nối các lực lượng gia đình-nhà trường-xã hội trong hỗ trợ giáo dục hoà nhập cho trẻ ở trường mầm non.	Khoa Sư phạm
38	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2	Học phần cung cấp cho người học hệ thống tri thức về giáo dục so sánh. Đồng thời cung cấp cho người học hệ thống tri thức khái quát chung về phát triển bền vững và giáo dục vì sự phát triển bền vững.	Khoa Sư phạm
39	SG061	Giáo dục sớm trong bối cảnh giáo dục mầm non	2	Học phần <i>Giáo dục sớm trong bối cảnh giáo dục mầm non</i> trình bày những kiến thức nền tảng về giáo dục sớm cho trẻ trong giai đoạn từ 0 – 6 tuổi, bao gồm: quan niệm về giáo dục sớm, vai trò của giáo dục sớm đối với sự phát triển của trẻ, những khám phá của khoa học về sự phát triển của trẻ trong giai đoạn 0 – 6 tuổi, những nội dung và những nguyên tắc của giáo dục sớm, các mô hình tiên tiến điển hình của giáo dục sớm trên thế	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				giới. Bên cạnh, học phần giúp người học xác định mục tiêu, yêu cầu và lập kế hoạch cũng như điều chỉnh kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ trên nền tảng của kiến thức về giáo dục sớm; thiết kế, tổ chức và đánh giá được hoạt động chăm sóc và giáo dục phù hợp với triết lý giáo dục sớm cho trẻ từ 0 – 6 tuổi; xây dựng môi trường hỗ trợ hiệu quả cho quá trình giáo dục sớm; kết nối gia đình, nhà trường, xã hội cùng tham gia giáo dục sớm trong “giai đoạn vàng” của trẻ.	
40	SG062	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong trường mầm non	2	Học phần <i>Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong nhà trường mầm non</i> giúp cho sinh viên tổng hợp những kiến thức về tâm lý trẻ mầm non và giáo dục mầm non làm nền tảng để giao tiếp và ứng xử phù hợp trong các tình huống sư phạm ở trường mầm non. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng chọn lọc các thông tin phù hợp để xử lý hiệu quả các tình huống sư phạm phổ biến ở trường mầm non. Thông qua đó, sinh viên có kỹ năng chia sẻ quan điểm cá nhân về các tình huống sư phạm giả định liên quan đến công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ ở lứa tuổi mầm non được nêu trên lớp hoặc trong quá trình làm việc nhóm. Từ đó, sinh viên tích cực rèn luyện nghiệp vụ, khả năng linh hoạt khi ứng xử, giao tiếp và giải quyết vấn đề trong môi trường giáo dục mầm non.	Khoa Sư phạm
41	SG063	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	2	Học phần gồm có 3 chương, trang bị cho người học những khái niệm, tính chất của nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, những đặc trưng của nghiên cứu khoa học giáo dục. Môn học này giúp sinh viên nắm được các phương pháp và kỹ năng cần thiết để thực hiện các nghiên cứu khoa học, từ việc lựa chọn chủ đề, thiết kế đề tài, thu thập dữ liệu đến phân tích kết quả nghiên cứu. Môn học này cũng giúp sinh viên rèn luyện khả năng viết báo cáo nghiên cứu chuyên nghiệp, góp phần nâng cao khả năng giao tiếp và trình bày ý tưởng của sinh viên. Khi nghiên cứu các chủ đề trong lĩnh vực giáo dục mầm non, sinh viên sẽ được tiếp cận các thông tin mới nhất và cập nhật nhất về giáo dục mầm non, giúp họ nâng cao hiểu biết và kiến thức chuyên môn. Tóm lại, học phần này là một môn học quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non, giúp sinh viên nâng cao khả năng nghiên cứu, phân tích và giải quyết các vấn đề giáo dục một cách chuyên nghiệp.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
42	SG064E	Lý luận dạy học mầm non	2	Học phần <i>Lý luận dạy học mầm non</i> cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về các vấn đề dạy học ở mầm non như: quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học và các hình thức tổ chức dạy học ở mầm non. Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lý thuyết và phương pháp giảng dạy phù hợp với độ tuổi và tình trạng phát triển của trẻ nhỏ. Sinh viên sẽ được học cách thiết kế và thực hiện các hoạt động giáo dục thích hợp cho trẻ mầm non. Điều này giúp sinh viên phát triển kỹ năng giảng dạy và truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả. Môn học này giúp sinh viên nắm được cách quản lý lớp học, từ việc sắp xếp không gian, kế hoạch giảng dạy đến giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình giảng dạy. Qua môn học này, sinh viên sẽ nhận thấy vai trò của mình trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ nhỏ, từ đó tăng cường tinh thần trách nhiệm và nâng cao ý thức trách nhiệm của mình. Tóm lại, môn học này mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên, giúp họ trở thành những giáo viên mầm non chuyên nghiệp và có khả năng giảng dạy hiệu quả.	Khoa Sư phạm
43	SG065E	Vệ sinh và phòng bệnh trẻ em	2	Học phần <i>Vệ sinh và phòng bệnh trẻ em</i> cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vệ sinh và phòng bệnh trẻ em như: Các giai đoạn lứa tuổi, sức khỏe và sự phát triển thể chất của trẻ em, các bệnh thường gặp ở trẻ em, các bệnh chuyên khoa và bệnh truyền nhiễm ở trẻ em, các đặc điểm sinh lý của trẻ qua các thời kỳ... Qua những kiến thức trên, sinh viên sẽ được tìm hiểu về cách phòng và xử lý ban đầu một số bệnh và tai nạn thường gặp ở trẻ; mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.	Khoa Sư phạm
44	SG066E	Dinh dưỡng trẻ em	2	Học phần <i>Dinh dưỡng trẻ em</i> cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về dinh dưỡng học trẻ em, các nhóm lương thực thực phẩm, cách xây dựng khẩu phần phù hợp với độ tuổi; chế độ dinh dưỡng giúp điều trị một số bệnh nhiễm khuẩn ở trẻ; Các nội dung hoạt động dinh dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em. Từ những hiểu biết này, sinh viên có thể xác định được phương hướng, mục đích của công tác chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ để đảm bảo cho nhu cầu phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần cho trẻ em trong các trường mầm non, mẫu giáo.	Khoa Sư phạm
45	SG067E	Sinh lý học trẻ em	2	Học phần <i>Sinh lý học trẻ em</i> là học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu tạo cơ thể của con người nói chung và của cơ thể trẻ em nói riêng. Học phần này giải thích các đặc điểm phù hợp giữa cấu tạo và chức năng sinh lý của cơ thể trẻ, từ đó, người học có được các kiến thức nền tảng về sự phát triển sinh lý, tâm lý, sự sinh trưởng và phát triển của trẻ. Nhờ vậy, người học sẽ phát triển được kiến thức, kỹ năng trong quá trình chăm sóc nuôi dạy trẻ. Đặc biệt, người học sẽ được cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ, phòng dịch, hay các kỹ năng sơ cứu cơ bản. Hơn nữa, thông qua các hoạt động học tập, người học với các kiến thức học được sẽ có những nhìn nhận đúng đắn hơn về trẻ em,	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				qua đó hình thành được thái độ tích cực, lạc quan và sự yêu mến nghề nghiệp chăm sóc nuôi dạy trẻ.	
46	SG068	Âm nhạc cơ bản	2	Học phần <i>Âm nhạc cơ bản</i> là điều kiện tiên quyết cho các học phần âm nhạc của ngành mầm non. Nội dung chương trình gồm các nội dung cơ bản về nhạc lý như ý nghĩa âm thanh trong âm nhạc; ý nghĩa và cách diễn tấu của các ký hiệu về cao độ, trường độ, các khóa nhạc; Khóa Son, Khóa Fa ở mức cơ bản; những nhân tố chính, tiết tấu, giai điệu hình thành nên giai điệu âm nhạc, cách diễn đạt theo quy ước quốc tế. Tham gia học phần này, sinh viên có thể tiếp cận được một số kiến thức sơ giản về Cao độ, trường độ, cường độ, giọng, hợp âm và dịch giọng. Ngoài ra học phần này còn giúp sinh viên nắm được kiến thức sơ lược về dân ca các vùng miền của Việt Nam, phân biệt được các nhạc cụ dân tộc, nhạc cụ Phương Tây và một số các nhạc sĩ tiêu biểu của Việt Nam và Nhạc sĩ thế giới. Ngoài phần lý thuyết trên, sinh viên được thực hành các điệu dân ca, hò về các miền; thực hành các nhạc cụ đơn giản (sáo, trúc, đàn...).	
47	SG069	Nhạc cụ	2	Học phần <i>Nhạc cụ</i> giúp cho sinh viên bước đầu tiếp cận với đàn phím điện tử thông thường trong học đường (Casio và Yamaha). Làm quen các phần chức năng cơ bản trên đàn: âm sắc, tiết điệu, tempo, các chức năng hòa thanh, ghi âm, intro, endings... Tham gia học phần này, sinh viên cũng được học về các phương pháp luyện ngón đơn giản, thể hiện các giai điệu đơn giản; một số phương pháp và kỹ năng sơ giản về thể hiện giai điệu, hòa thanh trên các bài hát ở trường mầm non. Bên cạnh đó, sinh viên còn được thực hành đệm âm và thực hành bài hát có đệm hợp âm ở trường mầm non như Ai nhanh hơn, Búp bê bông bông, Chú gà, Chú vịt, Ánh trăng hoà bình... Qua những hoạt động học lý thuyết và thực hành này, sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận được thực tế trong việc giảng dạy bộ môn âm nhạc ở các trường mầm non.	
48	SG070	Nghệ thuật múa cơ bản	2	Học phần <i>Nghệ thuật múa cơ bản</i> nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa, về ngôn ngữ đặc thù được biểu hiện qua các động tác của tay chân, nét mặt và cơ thể của con người; mối quan hệ của múa với âm nhạc từ đó có ý thức kết hợp chặt chẽ giữa nhịp điệu với động tác, giữa thị giác và thính giác khiến cho người xem cũng rung động.. Trong học phần người học được thực hành rèn luyện kỹ năng múa cơ bản và một số điệu múa, điệu nhảy của một số dân tộc Việt Nam và một số nước trên thế giới; múa theo một số bài hát dân ca cụ thể. Qua các bài thực hành, người học được củng cố các kiến thức về lí luận tạo hình múa, đồng thời luyện tập được những kỹ năng cần thiết để có thể tổ chức tốt nội dung dạy trẻ múa và vận động theo âm nhạc trong chương trình giáo dục mầm non.	
49	SG071	Nghệ thuật tạo hình cơ bản	3	Học phần <i>Nghệ thuật tạo hình cơ bản</i> giúp người học nắm được kiến thức lý luận chung về nghệ thuật tạo hình, ngôn ngữ tạo	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				hình đặc thù của nghệ thuật hình hoạ, trang trí, tranh; ngôn ngữ đặc thù của nghệ thuật điêu khắc, chạm khắc trang trí... và cách nhận biết, cảm thụ và phân tích chúng qua những bài tập. Học phần giúp người học lĩnh hội được các kiến thức về phương pháp, quy trình và rèn luyện được kỹ năng cơ bản cần thiết về vẽ hình hoạ, vẽ trang trí, vẽ tranh, cắt gập xé dán, nặn tạo hình qua những bài thực hành cụ thể. Qua đó, người học được củng cố và phát triển tư duy cảm nhận phân tích và đánh giá các sản phẩm tạo hình, tác phẩm mỹ thuật theo nhiều phương diện một cách khoa học. Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể ứng dụng linh hoạt những kiến thức và kỹ năng trên vào quá trình lao động làm đẹp môi trường, quá trình dạy học và giáo dục thẩm mỹ ở trường mầm non.	
50	SG072E	Văn học trẻ em	2	Học phần <i>Văn học trẻ em</i> nhằm hệ thống hóa các kiến thức về các tác gia, tác phẩm văn học viết và văn học dân gian dành cho trẻ em trong và ngoài nước. Học phần sẽ cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về đặc sắc giá trị nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm văn học tiêu biểu của các tác giả viết dành cho trẻ và một số sáng tác của trẻ em. Đồng thời qua việc nghiên cứu và tổng hợp, người học còn làm quen với việc phân tích, đánh giá, bình luận tác phẩm góp phần hình thành và phát triển được năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực viết và kỹ năng trình bày cho người học. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu đến người học một số sáng tác tiêu biểu ở mảng văn vần (thơ) và văn xuôi (truyện) của một số tác giả liên quan đến trẻ mầm non, nhằm giúp người học có thêm nguồn tư liệu hữu ích phục vụ cho công tác giáo dục về mặt nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội... cho trẻ trong trường mầm non.	Khoa Sư phạm
51	SG073E	Toán cơ sở	2	Học phần <i>Toán cơ sở</i> cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về cơ sở logic toán, lý thuyết tập hợp, số tự nhiên và các hình hình học như Logic mệnh đề và các phép toán logic vị từ và các phép toán, các lượng từ, các khái niệm cơ bản về tập hợp, các phép toán về tập hợp, tích Đề-các (tích Descartes) của các tập hợp, các khái niệm cơ bản và ví dụ về ánh xạ, số tự nhiên - Quan hệ thứ tự, các phép toán trên tập số tự nhiên, phép đếm và cách ghi số, các dấu hiệu chia hết, các khái niệm về hình hình học, tam giác, đa giác, đường tròn, các hình không gian (như hình lập phương, hình hộp chữ nhật, hình trụ, hình cầu). Từ đây, người học có thể vận dụng một cách hiệu quả vào quá trình tác nghiệp ở trường mầm non.	
52	SG074E	Tiếng Việt cơ sở	2	Học phần <i>Tiếng Việt cơ sở</i> giới thiệu những tri thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ pháp, phong cách học tiếng Việt. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp cho người học biết cách nhận diện, giải thích, phân tích được các kiến thức về ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ pháp, phong cách học tiếng Việt và các nội dung liên quan đến dạy học tiếng Việt cho trẻ mầm non. Từ đó, người học sẽ xác định được mục đích, yêu cầu, nội dung, lựa chọn những phương pháp dạy học các tri thức tiếng Việt cơ	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				sở cho trẻ mầm non. Trên cơ sở này, người học sẽ biết cách lập kế hoạch và có thể vận dụng tốt những kiến thức đã học về ngữ âm, từ vựng – ngữ nghĩa, ngữ pháp, phong cách học để thể hiện sự sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động dạy học ngôn ngữ cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Việt.	
53	SG075	Thực tế ngoài trường	1	Học phần <i>Thực tế ngoài trường giáo dục mầm non</i> được thiết kế để hướng dẫn người học học thông qua trải nghiệm thực tế ngoài trường học nhằm gia tăng hiểu biết và trải nghiệm của bản thân về lịch sử, đời sống văn hóa, địa lí, ngôn ngữ, phong tục tập quán... ở các vùng miền trong cả nước và các nước trên thế giới. Nội dung học phần hướng đến các hoạt thực tế của bản thân qua việc người học lựa chọn hình thức trải nghiệm tại các tỉnh thành trong nước hoặc ngoài nước. Người học có cơ hội học tập, giao lưu văn hóa, học thuật và rèn luyện các kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ với các trường bạn trong khu vực, góp phần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp bản thân. Từ đó, góp phần giúp người học xác định rõ động cơ học tập, lòng tin yêu nghề và cảm hứng đối với nghề nghiệp, đồng thời sinh viên còn vận dụng, liên hệ những kiến thức được học trong suốt quá trình trải nghiệm thực tế và công tác giáo dục cho trẻ mầm non sau khi ra trường.	Khoa Sư phạm
54	SG076E	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	2	Học phần <i>Phát triển chương trình giáo dục mầm non</i> trang bị cho SV các kiến thức cơ bản về chương trình, thiết kế và phát triển chương trình nói chung và phát triển chương trình giáo dục mầm non nói riêng; Phân tích các xu hướng tiếp cận, quan điểm để phát triển chương trình giáo dục mầm non; Phân tích được các yếu tố cấu thành chương trình như mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức và đánh giá trong giáo dục mầm non; Xác định được nội dung các bước trong phát triển chương trình nhóm, lớp theo độ tuổi trẻ mầm non. Đồng thời, SV có thể phân tích các đặc trưng cơ bản của một số chương trình tiên tiến như: STEAM, Montessori, Giáo dục sớm,... Từ đó, SV có khả năng vận dụng các kiến thức đó để xây dựng các kế hoạch, phát triển chương trình giáo dục mầm non theo từng độ tuổi khác nhau (nhà trẻ và mẫu giáo) đảm bảo tính thống nhất, đồng tâm.	Khoa Sư phạm
55	SG077	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2	Học phần <i>Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non</i> nhằm hệ thống hóa cho người học những vấn đề lí luận chung về khái niệm kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống và tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ; cách tiếp cận trong giáo dục kỹ năng sống và các phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Từ đó, người học sẽ xác định được mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. Trên cơ sở này, người học biết cách lập kế hoạch và có thể vận dụng tốt kiến thức môn học trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non.	Khoa Sư phạm
56	SG078	Giáo dục cảm xúc xã hội cho trẻ	2	Học phần <i>Giáo dục cảm xúc xã hội cho trẻ mầm non</i> cung cấp cho sinh viên kiến thức lí luận chung về cảm xúc xã hội như: khái niệm cảm xúc xã hội, vai trò của cảm xúc xã hội, phân loại cảm xúc xã hội trên cơ sở đó thiết kế các hoạt động giáo dục	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		mầm non		cảm xúc xã hội cho trẻ mầm non như: thiết kế hoạt động giáo dục trẻ mầm non kỹ năng nhận thức bản thân, thiết kế hoạt động giáo dục trẻ mầm non kỹ năng làm chủ bản thân; thiết kế hoạt động giáo dục trẻ mầm non kỹ năng ra quyết định có trách nhiệm; thiết kế hoạt động giáo dục trẻ mầm non kỹ năng làm chủ các mối quan hệ và thiết kế hoạt động giáo dục trẻ mầm non nhận thức xã hội. Sinh viên được trao đổi, thảo luận, tìm hiểu và nghiên cứu để tìm hiểu sâu hơn về đặc điểm học sinh mầm non ở từng độ tuổi nhằm trang bị tri thức nền để thiết kế các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.	
57	SG079	Sơ cứu và phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ mầm non	2	Học phần <i>Sơ cứu và phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ mầm non</i> cung cấp cho người học các kiến thức về những nguyên nhân gây tai nạn thương tích ở trẻ, cách phòng chống tai nạn cho trẻ và biện pháp sơ cứu khi trẻ bị tai nạn thương tích. Bên cạnh đó, ngoài việc định hướng xây dựng phát triển môi trường nuôi dạy trẻ tốt ở các trường mầm non, mẫu giáo, học phần này còn cung cấp cho người học các phương pháp xây dựng trường học thân thiện, an toàn đảm bảo tránh được các tai nạn thương tích không đáng có trong nhà trường mầm non. Ngoài ra, thông qua các hoạt động học tập, người học còn phát triển được các kỹ năng khai thác tài liệu, kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng tổ chức lớp học và giáo dục trẻ để trẻ có khả năng tự phòng tránh tai nạn thương tích.	Khoa Sư phạm
58	SG451E	Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	2	<i>Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non</i> là một học phần bắt buộc, góp phần trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi về kiểm tra, đánh giá và đánh giá năng lực người học nói chung và đánh giá trẻ mầm non nói riêng. Qua học phần này, người học hiểu một cách sâu sắc về quan điểm, mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, cũng như phương thức đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non. Đặc biệt, học phần tạo cơ hội để người học phân tích được quy trình và áp dụng các kỹ thuật đánh giá các mặt phát triển về ngôn ngữ, nhận thức, thể chất, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ của trẻ mầm non; tạo lập cho sinh viên những lời nhận xét, cũng như thiết lập các công cụ đánh giá hiệu quả sự phát triển của trẻ mầm non.	Khoa Sư phạm
59	SG453	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường mầm non	2	Học phần <i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường mầm non</i> trang bị cho người học các kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học như khái quát về công nghệ thông tin và các xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, vai trò và khả năng ứng dụng của công nghệ thông tin trong dạy học và yêu cầu đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học giúp người học có thể giải thích được xu hướng, tác động của công nghệ thông tin trong dạy học ở trường mầm non; phân tích được cơ sở lí luận của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường mầm non; vận dụng, khai thác được một số phần mềm để xây dựng được kế hoạch bài dạy có ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; phần mềm hỗ trợ thiết kế, biên tập học liệu số và trình diễn, ...	Khoa Sư phạm



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
60	SG469	Thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ	2	Học phần <i>Thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ</i> trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận về đặc điểm và đặc trưng của đồ chơi; quan hệ giữa đồ chơi và trò chơi; ý nghĩa giáo dục của đồ chơi đối với trẻ mầm non. Sinh viên có những hiểu biết cơ bản về đồ chơi; thu phóng tranh ảnh; làm đồ chơi học tập; làm đồ chơi mô tả hình tượng; giấy bồi; làm đồ chơi sân khấu âm nhạc; làm đồ chơi xếp hình; làm đồ chơi trang trí. Từ những kiến thức này, sinh viên được thực hành các kỹ thuật xử lý nguyên liệu và vật liệu tái chế để làm đồ chơi; thực hành các kỹ thuật làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ mầm non. Bên cạnh đó, sinh viên còn được tham gia vào quá trình làm việc nhóm, trao đổi thảo luận nhóm để thực hành tạo sản phẩm học tập để sử dụng trong hoạt động giảng dạy và giáo dục trẻ mầm non. Các bài tập thực hành mà sinh viên thực hiện theo nhóm để trao đổi với nhau như làm đồ chơi học tập, âm nhạc, xếp hình và trang trí, mô tả hình tượng và bồi giấy. Những kiến thức và kỹ năng này giúp sinh viên có thể chủ động, sáng tạo trong chuẩn bị các đồ dùng để thực hiện các hoạt động giáo dục trẻ mầm non.	Khoa Sư phạm
61	SG470	Phương pháp đọc kể diễn cảm	3	Học phần <i>Phương pháp đọc kể diễn cảm</i> trang bị cho sinh viên những hiểu biết về vai trò của tác phẩm văn học (TPVH) trong việc giáo dục lòng nhân ái, phát triển nhận thức, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Sinh viên được tìm hiểu những vấn đề chung về tác phẩm văn học như vai trò, chức năng của tác phẩm văn học. Sau phần kiến thức nhập môn này, sinh viên được tìm hiểu các khái niệm về đọc, đọc diễn cảm; kể chuyện, các kỹ năng kể. Nghệ thuật đọc, kể diễn cảm, các phương pháp và hình thức đọc, kể phù hợp với trẻ ở từng độ tuổi; Cách tổ chức hoạt động văn học nghệ thuật cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Sau phần lý thuyết, sinh viên được thực hành các kỹ năng đọc, kể diễn cảm các tác phẩm văn học dành cho lứa tuổi mầm non với các thể loại thơ, ca, vè, truyện,... Học xong học phần này, sinh viên có thể vận dụng thành thạo các kỹ năng đọc, kể diễn cảm để hướng dẫn trẻ kể nhằm góp phần phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	Khoa Sư phạm
62	SG471	Kiến tập Sư phạm giáo dục mầm non	2	Thời điểm kiến tập sư phạm thường là học kì I năm thứ ba và tập trung trong 3 tuần liên tục. Kiến tập sư phạm là giai đoạn sinh viên tiếp cận với môi trường giáo dục tại trường mầm non, mà cụ thể là quan sát, tìm hiểu các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục của giáo viên cũng như các hoạt động xã hội của nhà trường. Sinh viên được nghe các báo cáo tình hình, cơ cấu tổ chức và hoạt động ở trường mầm non; kinh nghiệm công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục của giáo viên. Ngoài ra, sinh viên còn được dự giờ giáo viên hướng dẫn chuyên môn, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua lớp, tổ chức sinh hoạt của trường,... Từ đó, bước đầu hình thành tình cảm và ý thức nghề nghiệp cho sinh viên, tích lũy kinh nghiệm chuẩn bị cho giai đoạn thực tập sư phạm.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
63	SG472	Thực tập Sư phạm giáo dục mầm non	3	Học phần <i>Thực tập sư phạm Giáo dục mầm non</i> giúp người học tham quan, kiến tập ở các cơ sở giáo dục mầm non. Bước đầu tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non, tìm hiểu hệ thống tổ chức, các loại hình trường, lớp mầm non; hình thành nhận thức ban đầu về tiếp cận tích hợp của chương trình giáo viên mầm non. Tham gia các buổi thảo luận, xêmina, thực hiện các bài tập về quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ ở các độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo. Người học tham gia các hoạt động rèn luyện những kỹ năng sau: Chăm sóc, giáo dục, tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong trường, lớp mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tiễn của cơ sở thực hành theo hướng tích hợp. Tiếp cận, xử lý và vận dụng linh hoạt những thông tin khoa học mới của ngành học vào hoạt động thực tiễn của giáo viên mầm non; sử dụng các phương tiện phục vụ cho hoạt động chăm sóc-giáo dục trẻ một cách hiệu quả.	Khoa Sư phạm
64	SG473	Phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	3	Học phần <i>Phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh</i> góp phần trang bị cho người học những kiến thức cơ sở chung về môi trường; đặc điểm, vai trò của từng loại môi trường (đất, nước, không khí, sinh vật) để từ đó, người học có những kiến thức nhất định khi tổ chức các hoạt động cho trẻ khám phá môi trường xung quanh. Qua học phần, người học nghiên cứu, phân tích những nội dung, địa chỉ cụ thể được tích hợp, lồng ghép giáo dục môi trường trong chương trình giáo dục mầm non. Từ đó, người học có thể tự thiết kế hoặc hợp tác thiết kế các hoạt động cho trẻ theo khám phá môi trường xung quanh theo từng độ tuổi, thông qua các chủ đề trên lớp hoặc các hoạt động ngoài trời đạt hiệu quả tối ưu. Qua các hoạt động này, người học nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và giúp trẻ khám phá và yêu quý môi trường xung quanh.	Khoa Sư phạm
65	SG474	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	Học phần <i>Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non</i> cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất (GDTC) trẻ mầm non như các phương pháp, phương tiện, các nguyên tắc sư phạm dạy học thể chất, giảng dạy động tác, giáo dục các tố chất thể lực, giờ học thể dục thể thao trong trường mầm non. Ngoài ra, sinh viên còn được thực hành cách thức xây dựng chương trình GDTC cho trẻ mầm non, các phương pháp tổ chức giảng dạy GDTC cho trẻ, hướng dẫn kỹ năng chăm sóc sức khỏe, áp dụng các biện pháp, phương tiện và bài tập cho đối tượng trẻ mầm non, thực hành vận động và tổ chức các trò chơi; thực hành kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục thể chất trong trường mầm non.	Khoa Sư phạm
66	SG475	Phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non	3	Học phần <i>Phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non</i> cung cấp cho người học hiểu được khái niệm về các phương pháp dùng trong dạy múa và vận động theo âm nhạc. Vai trò của múa đối với phát triển thẩm mỹ, cách áp dụng các hình thức múa và vận động cho trẻ theo từng độ tuổi, xác định mục tiêu, trình tự dạy trẻ múa và vận động theo âm nhạc, Một số bài múa và vận động	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				theo âm nhạc cơ bản, hệ thống lại một số động tác múa dân gian cơ bản của các dân tộc Việt Nam. Học phần này, người học sẽ được Thực hành một số điệu múa theo chủ đề, thực hành và tập tổ chức dạy múa và vận động theo âm nhạc cho trẻ mầm non qua các bài múa và vận động theo tính chất âm nhạc cụ thể. Qua đó, người học nắm vững nội dung, phương pháp, quy trình tập cho trẻ múa; vận dụng hiệu quả những kỹ thuật múa và lựa chọn động tác tương ứng với mỗi vùng miền và loại nhịp điệu âm nhạc khác nhau để múa, múa minh họa, nhảy, soạn giáo án giảng dạy và tổ chức vận động theo nhạc cho trẻ ở trường mầm non.	
67	SG476	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	Học phần <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ và sự phát triển ngôn ngữ trẻ em tuổi mầm non; một số hình thức, phương pháp và cách thức tổ chức các hoạt động để phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Đồng thời, học phần còn giúp cho sinh viên hình thành và phát triển được những kỹ năng dạy tiếng mẹ đẻ; kỹ năng phân tích, đánh giá việc thực hiện nghiệp vụ dạy ngôn ngữ cho trẻ và kỹ năng điều chỉnh, lập kế hoạch thực hiện chương trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở từng độ tuổi. Học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, nền tảng trong việc chuẩn bị cho trẻ khả năng tiền đọc, viết trước khi chuyển sang môi trường học tập mới ở tiểu học.	Khoa Sư phạm
68	SG477	Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	3	Học phần <i>Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</i> trang bị cho người học những hiểu biết về vị trí của văn học trong giáo dục và phát triển toàn diện đối với trẻ; đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ em; vai trò của đọc, kể diễn cảm trong việc phát triển hoạt động ngôn ngữ nghệ thuật của trẻ mầm non. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp cho người học xác định được nhiệm vụ của việc cho trẻ tiếp xúc với tác phẩm văn học; biết cách lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học. Điều này cũng hình thành cho người học kỹ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học dành cho trẻ mầm non, lựa chọn đồ dùng trực quan minh họa phù hợp với độ tuổi và nội dung của tác phẩm văn học. Từ đó, người học đề xuất được các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học.	Khoa Sư phạm
69	SG478	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	Học phần <i>Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</i> giúp người học nắm được những lý luận cơ bản về các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. Người học biết được đặc điểm và sự phát triển khả năng tạo hình của trẻ em qua các độ tuổi; được tìm hiểu về các phương pháp dạy học tạo hình thường dùng trong việc hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ; những ưu điểm, hạn chế của các phương pháp; cách vận dụng, kết hợp các phương pháp trong hoạt động dạy học tạo hình. Người học vận dụng các phương pháp dạy học để lập kế hoạch bài dạy cho từng hoạt động tạo hình cụ thể; đồng thời vận dụng những kiến thức về mỹ thuật và kỹ năng tạo hình của bản thân vào việc dạy học và	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				giáo dục tình cảm thẩm mỹ cho trẻ bậc học mầm non. Học phần giúp người học làm quen việc đứng lớp, rèn luyện kỹ năng bao quát, xử lý tình huống sư phạm, bám sát mục tiêu giáo dục tình cảm thẩm mỹ cho trẻ.	
70	SG479	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	3	Học phần <i>Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non</i> trang bị cho người học cái nhìn tổng quan về các vấn đề dạy học hình thành các biểu tượng toán học ở mầm non như: vai trò, nhiệm vụ, nguyên tắc dạy học, phương pháp dạy học, và các hình thức tổ chức dạy học hình thành các biểu tượng toán học cơ bản cho trẻ mầm non, thiết bị dạy học và lập kế hoạch bài dạy. Sinh viên sẽ học được các kiến thức chuyên môn về phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các phương pháp giảng dạy và cách áp dụng chúng trong thực tế. Sinh viên sẽ được đào tạo để nghĩ đến các phương pháp giảng dạy sáng tạo, khuyến khích sự tư duy phản biện và khả năng đưa ra các giải pháp hợp lý cho các vấn đề liên quan đến giảng dạy. Tóm lại, học phần mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên, từ việc nâng cao kỹ năng giảng dạy, phát triển kỹ năng tư duy, tăng cường kiến thức chuyên môn, tăng khả năng thực hành giảng dạy các chủ đề toán học ở trường mầm non.	Khoa Sư phạm
71	SG480	Phương pháp dạy học âm nhạc cho trẻ mầm non	3	Học phần <i>Phương pháp dạy học âm nhạc cho trẻ mầm non</i> trang bị cho người học các kiến thức về phương pháp dạy múa và vận động theo âm nhạc của trẻ, kỹ năng ca hát kết hợp vận động cơ bản của trẻ ở độ tuổi mầm non. Giúp người học có đủ trình độ và khả năng thực thực hiện các bài hát thiếu nhi, nhi đồng, các làn điệu dân ca của các dân tộc, vùng miền điển hình trong chương trình giảng dạy âm nhạc mầm non. Trang bị cho người học về các kỹ năng phương pháp dạy trẻ hát, dạy trẻ nghe nhạc, dạy trẻ chơi trò chơi âm nhạc. Học phần giúp người học làm quen với việc lập kế hoạch và tập giảng nội dung tổ chức được hoạt động ca hát – vận động âm nhạc theo từng chủ đề, phù hợp với trẻ ở từng địa phương, từng nhóm tuổi để nâng cao kỹ năng vận động và cảm nhận âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non.	Khoa Sư phạm
72	SG481	Tổ chức hoạt động Giáo dục STEM/STEAM trong trường mầm non	2	Học phần <i>Tổ chức hoạt động Giáo dục STEM/STEAM trong trường mầm non</i> giới thiệu cho người học các kiến thức lý luận cơ bản những khái niệm, phân loại, các cấp độ và đặc trưng của giáo dục STEAM; lợi ích của giáo dục STEAM cho trẻ mầm non, khả năng tích hợp STEAM trong chương trình giáo dục mầm non; môi trường, hình thức, chiến lược thúc đẩy và đánh giá trong giáo dục STEAM; nguyên tắc, quy trình xây dựng và triển khai giáo dục STEAM trong giáo dục mầm non; đồng thời, người học còn được trải nghiệm thực hành lập kế hoạch, xây dựng quy trình tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục các chủ đề STEAM minh họa như thí nghiệm khoa học với dầu và nước, Thí nghiệm với quả trứng, khám phá khoa học chìm hay nổi, thí nghiệm tạo màu cho cây cải thảo, kỹ sư với Marshmallow Shapes, Xây dựng một cây cầu, qua đó hình	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				thành và rèn luyện cho SV các kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức giáo dục STEAM ở trường mầm non một cách độc lập, sáng tạo và hiệu quả theo tinh thần của chương trình giáo dục mầm non hiện hành.	
73	SG482	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục mầm non	2	Học phần <i>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục mầm non</i> nhằm hệ thống hóa các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên mầm non thông qua các <i>kỹ năng sư phạm cơ bản</i> như giao tiếp ứng xử; xử lý tình huống sư phạm; thực hành các kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc, viết cũng như tìm hiểu về trường mầm non (giáo viên, trẻ, nhà trường...); <i>kỹ năng sư phạm chuyên biệt</i> như kỹ năng phân tích chương trình giáo dục, kỹ năng tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục và kỹ năng giảng dạy cho trẻ. Trên cơ sở đó, học phần còn rèn luyện cho sinh viên cách vận dụng kiến thức vào thực tế chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục toàn diện cho trẻ ở nhà trường mầm non.	Khoa Sư phạm
74	SG483	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	Học phần <i>Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non</i> trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về trò chơi và vai trò của trò chơi trong đời sống của trẻ; ý nghĩa của hoạt động với đồ vật cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo. Tham gia học tập học phần này, sinh viên được tìm hiểu phân tích về nguyên tắc, hình thức và phương pháp tổ chức trò chơi, các loại trò chơi; nhận diện được vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ. Từ những kiến thức này, sinh viên thực hành thiết kế các trò chơi và tổ chức các trò chơi cho trẻ ở trường mầm non như: trò chơi đóng vai, trò chơi xây lắp, trò chơi học tập, trò chơi dân gian địa phương. Những kiến thức và kỹ năng sinh viên được hình thành và phát triển ở học phần này là nền tảng để thiết kế các hoạt động giáo dục, phát triển ngôn ngữ, nhận thức cho trẻ mầm non.	Khoa Sư phạm
75	SG484	Giáo dục đặc biệt và can thiệp sớm	2	Học phần <i>Giáo dục đặc biệt và can thiệp sớm</i> bao gồm các nội dung tổng quan về can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật và cách thực hiện can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật như: khái niệm, đối tượng của can thiệp sớm trẻ khuyết tật; tầm quan trọng của phát hiện sớm-can thiệp sớm; và quan điểm, tiêu chí về dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho trẻ khuyết tật; các biện pháp và hình thức can thiệp sớm trẻ khuyết tật. Bên cạnh, học phần cung cấp cho sinh viên những hướng dẫn kỹ thuật để phát hiện sớm-can thiệp sớm cho trẻ mắc những khuyết tật thường gặp. Trên cơ sở đó, sinh viên có xác định được khả năng, nhu cầu của trẻ khuyết tật, lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật, hỗ trợ gia đình có trẻ khuyết tật và hỗ trợ trẻ khuyết tật tại trường mầm non.	Khoa Sư phạm
76	SG485E	Tham vấn trong giáo dục mầm non	2	Học phần <i>Tham vấn trong giáo dục mầm non</i> hệ thống hóa các kiến thức về tham vấn, mục đích tham vấn và các nội dung, cách thức tham vấn trong giáo dục mầm non. Người học được trang bị những kiến thức, kỹ năng để thực hiện công tác giáo dục, các hoạt động tham vấn và có cơ sở phương pháp luận cho việc phát hiện, giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quá trình tham vấn ở trường mầm non. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				người học biết cách lập kế hoạch, lựa chọn các nội dung tham vấn phù hợp với đối tượng và điều kiện thực tế ở trường mầm non. Trên cơ sở này, người học có cơ hội tiếp cận với công tác tham vấn; xác định được những vấn đề cơ bản về mục tiêu, nội dung và phương pháp tham vấn trong giáo dục mầm non, từ đó nhận thấy được hiệu quả của sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội.	
77	SG486	Quản lý nhóm, lớp ở trường mầm non	2	Học phần " <i>Quản lý nhóm, lớp ở trường mầm non</i> " góp phần trang bị cho người học những kiến thức về quản lý; quản lý nhóm, lớp; mục đích; vai trò; ý nghĩa của việc quản lý nhóm, lớp ở trường mầm non, bao gồm: quản lý về cơ sở vật chất, quản lý các hoạt động của trẻ, quản lý sự phát triển của trẻ và xây dựng môi trường nhóm, lớp phù hợp với độ tuổi của trẻ mầm non, nhằm tạo môi trường thân thiện, sạch đẹp, bắt mắt và phù hợp đặc điểm tâm, sinh lý của trẻ mầm non. Qua đó sinh viên nhận ra vai trò của người GV mầm non trong việc tổ chức và quản lý nhóm, lớp gắn với việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Từ những hiểu biết trên, sinh viên sẽ được hướng dẫn các kỹ thuật tổ chức và quản lý nhóm, lớp ở trường mầm non theo từng độ tuổi một cách hiệu quả và phát huy khả năng tiềm ẩn của trẻ.	Khoa Sư phạm
78	SG487E	Giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non	2	Học phần <i>Giáo dục tích hợp trong giáo dục mầm non</i> cung cấp cho người học những khái niệm chung cơ bản về giáo dục tích hợp và sự cần thiết phải giáo dục tích hợp. Đồng thời, người học cũng được giới thiệu về giáo dục tích hợp ở bậc học Mầm non, Quan điểm, ý nghĩa và mục tiêu của việc tích hợp trong giáo dục mầm non, cơ sở khoa học của giáo dục tích hợp ở trường mầm non, chương trình giáo dục mầm non theo hướng tích hợp và sự cần thiết phải tiến hành giáo dục tích hợp ở bậc học này. Hơn nữa, người học được tiếp cận các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non, các giai đoạn tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non. Từ đây, người học có thể vận dụng một cách hiệu quả vào quá trình tác nghiệp ở trường mầm non.	Khoa Sư phạm
79	SG488	Các mô hình giáo dục mầm non	2	Học phần <i>Các mô hình giáo dục mầm non</i> trình bày những kiến thức nền tảng về mô hình giáo dục mầm non, những căn cứ xác định và vai trò của việc xác lập hướng tiếp cận trong mô hình giáo dục mầm non; các mô hình giáo dục mầm non nổi tiếng như: mô hình theo phương pháp giáo dục Montessori; phương pháp Shichida, phương pháp Reggio Emilia; phương pháp Steiner Waldorf; những ưu và hạn chế của từng mô hình giáo dục và định hướng chất lọc những ưu điểm để vận dụng vào quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ. Bên cạnh, học phần giúp sinh viên có khả năng cập nhật, vận dụng và chất lọc những kiến thức về các mô hình giáo dục và phương pháp giáo dục sớm trong chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường mầm non;	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				xây dựng và điều chỉnh kế hoạch dạy học trên nền tảng kiến thức về các mô hình giáo dục; tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục cho trẻ theo hướng tiếp cận của các mô hình; tổ chức và quản lý môi trường xung quanh trẻ; sáng tạo các thiết bị, đồ dùng đồ chơi trong dạy học nhằm phát huy tiềm năng của trẻ.	
80	SG489	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	2	Học phần <i>Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1</i> mô tả khái quát những vấn đề chung về việc chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1, các đặc điểm tâm sinh lý của trẻ 5 tuổi khi chuẩn bị vào lớp 1 và những đặc trưng cơ bản trong hoạt động của học sinh lớp 1. Trên cơ sở đó, học phần này giúp sinh viên xác định các nội dung cần chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1 như chuẩn bị tâm thế cho trẻ đi học, chuẩn bị về mặt thể lực, tổ chức cho trẻ hoạt động trí tuệ, chuẩn bị cho trẻ hiểu biết về môi trường xung quanh, hình thành ở trẻ khả năng tự điều chỉnh hành vi, phát triển ngôn ngữ ở trẻ, giúp trẻ làm quen với một số hành vi đạo đức và cách ứng xử giữa người với người trong trường tiểu học, và giúp trẻ làm quen với hoạt động nghệ thuật. Thêm vào đó, học phần trang bị cho sinh viên năng lực tổ chức và hướng dẫn các hoạt động dạy học ngôn ngữ (đọc viết tiền tiểu học) và các yếu tố toán học cơ bản giúp trẻ vững vàng vào lớp 1.	Khoa Sư phạm
81	SG491	Luận văn tốt nghiệp giáo dục mầm non	10	Học phần <i>Luận văn tốt nghiệp giáo dục mầm non</i> tạo điều kiện cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non có cơ hội nghiên cứu sâu về một chủ đề trong chuyên, từ đó, hình thành năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên. Cụ thể, sinh viên sẽ được hướng dẫn cách tiến hành nghiên cứu, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và đánh giá kết quả. Kỹ năng này sẽ giúp sinh viên trở nên thông thạo hơn trong việc phân tích và đánh giá các thông tin liên quan đến giáo dục mầm non. Khi viết luận văn tốt nghiệp, sinh viên sẽ phải đưa ra các luận điểm và đánh giá các thông tin. Khi thực hiện điều này, sinh viên sẽ phát triển khả năng tư duy phản biện, giúp họ đưa ra những quan điểm đúng đắn và chính xác. Sinh viên sẽ phải tìm hiểu về các vấn đề liên quan đến giáo dục mầm non trong quá trình thực hiện luận văn tốt nghiệp. Việc này sẽ giúp sinh viên củng cố và tăng cường kiến thức chuyên môn của mình.	Khoa Sư phạm
82	SG490	Tiểu luận tốt nghiệp giáo dục mầm non	4	Học phần <i>Tiểu luận tốt nghiệp giáo dục mầm non</i> tạo điều kiện cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non có cơ hội nghiên cứu về một chủ đề trong chuyên môn, từ đó hình thành năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên. iệc viết tiểu luận tốt nghiệp giáo dục mầm non đòi hỏi sinh viên phải thực hiện quá trình nghiên cứu đầy đủ và viết báo cáo theo đúng cấu trúc. Qua đó, sinh viên có thể cải thiện kỹ năng nghiên cứu và viết báo cáo của mình, giúp cho các kỹ năng này được phát triển tốt hơn để sử dụng trong công việc sau này. Sinh viên sẽ phải tìm hiểu và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến giáo dục mầm non để hoàn thành tiểu luận tốt nghiệp. Việc này giúp sinh viên củng cố và mở rộng kiến thức chuyên ngành của mình. Việc thực hiện tiểu luận tốt nghiệp giáo dục mầm non yêu cầu sinh viên phải tự tìm	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				hiểu và nghiên cứu các tài liệu, tài nguyên có liên quan đến chủ đề. Việc này giúp sinh viên phát triển kỹ năng tự học và tự tìm kiếm thông tin cần thiết. Việc phải xử lý các vấn đề trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành tiểu luận tốt nghiệp giáo dục mầm non giúp sinh viên rèn luyện khả năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và sáng tạo trong giải quyết các vấn đề.	
83	SG051	Trò chơi hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	2	Học phần <i>Trò chơi hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non</i> giới thiệu cho sinh viên những quan niệm về trò chơi trong dạy học toán, các nguyên tắc tổ chức trò chơi, quy trình tổ chức một trò chơi và các trò chơi liên quan các chủ đề toán ở mầm non. Sinh viên sẽ được học các phương pháp giảng dạy bằng trò chơi hiệu quả và phù hợp với trẻ mầm non, từ đó giúp sinh viên nâng cao kỹ năng giảng dạy của mình. Sinh viên tiếp cận các kiến thức chuyên môn về cách sử dụng trò chơi để giảng dạy toán cho trẻ mầm non, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các phương pháp giảng dạy và cách áp dụng chúng trong thực tế. Sinh viên sẽ được đặc biệt tạo đề nghị đến các trò chơi giảng dạy sáng tạo, khuyến khích sự tư duy phản biện và khả năng đưa ra các giải pháp hợp lý cho các vấn đề liên quan đến giảng dạy. Tóm lại, học phần này mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên, từ việc nâng cao kỹ năng giảng dạy, phát triển kỹ năng tư duy, tăng cường kiến thức chuyên môn.	Khoa Sư phạm
84	SG052E	Tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo	2	Học phần <i>Tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo</i> được xây dựng theo từng chủ đề nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến chương trình giáo dục mầm non, bao gồm: Hệ thống giáo dục Việt Nam và thế giới nói chung và giáo dục mầm non nói riêng; các vấn đề liên quan đến trường học và việc chăm sóc, giáo dục trẻ; giới thiệu cấu trúc chương trình mầm non; phẩm chất người giáo viên mầm non; vấn đề quản lý lớp học mầm non; đặc điểm tâm sinh lý trẻ mầm non. Đồng thời, học phần trình bày những kiến thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá trong dạy và học tiếng Anh và dạy học Toán, Khoa học bằng tiếng Anh cho trẻ em mẫu giáo trong giúp sinh viên có thể biên soạn tài liệu hỗ trợ trong dạy học tiếng Anh, dạy học Toán và Khoa học bằng tiếng Anh.	Khoa Sư phạm
85	SG053	Dàn dựng ca múa nhạc ở trường mầm non	2	Học phần <i>Dàn dựng ca múa nhạc ở trường mầm non</i> nhằm trang bị kiến thức cho người học về những hoạt động âm nhạc ở trường mầm non, giúp cho người học có kỹ năng tổ chức, dàn dựng các hoạt động âm nhạc, về cấu trúc của một chương trình ca – múa nhạc cho trẻ mầm non và có khả năng dàn dựng các tiết mục hát như : đồng ca, ca múa, hát tốp ca, đơn ca, song ca, múa (độc lập, minh họa) kể chuyện đọc thơ, ngâm thơ, về cũng như toàn bộ chương trình ca múa nhạc cho trẻ mầm non. Ngoài ra người học hiểu được những thể loại ca khúc nào phù hợp với các lứa tuổi mầm non, từ đó người học biết chọn lựa ca khúc phù hợp cho các bé và phù hợp với nội dung, chủ đề của từng chương trình văn nghệ. Bên cạnh phần lý thuyết, người học còn được thực hành về xây dựng chương trình ca múa nhạc vào các ngày lễ hội như tết trung thu, tết Nguyên Đán, chào mừng ngày	Khoa Sư phạm



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Nhà giáo Việt Nam...	
86	SG054	Mỹ thuật ứng dụng ở trường mầm non	2	Học phần <i>Mỹ thuật ứng dụng ở trường mầm non</i> giúp người học vận dụng được kiến thức, kỹ năng thực hành mỹ thuật như: nội dung ý tưởng, hình tượng tạo hình, bố cục, màu sắc vào việc làm đẹp môi trường học đường của trẻ mầm non. Trong quá trình học tập người học sẽ thực hiện một số bài tập mô phỏng về thiết kế trang trí nội thất, ngoại thất, trang trí sắp đặt các phòng chức năng, trang trí những vật dụng, không gian gắn liền với hoạt động vui chơi, sinh hoạt của trẻ. Các bài tập thực hành có tính thiết thực, mức độ cơ bản đến nâng cao, ứng dụng linh hoạt theo các không gian, thời gian tùy theo vật dụng và mục đích sử dụng. Học phần giúp người học phát triển về cảm thụ thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ, thói quen làm đẹp môi trường góp phần giáo dục thẩm mỹ một cách hiệu quả cho trẻ ở trường mầm non, cơ sở giáo dục mầm non.	Khoa Sư phạm
87	SG055E	Xây dựng môi trường tâm lý xã hội ở trường mầm non	2	Học phần <i>Xây dựng môi trường tâm lý xã hội ở trường mầm non</i> góp phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về yêu cầu, đặc điểm của môi trường tâm lý xã hội, cũng như những kiến thức chuyên ngành về vai trò, ý nghĩa của môi trường tâm lý xã hội cho trẻ mầm non; Tạo điều kiện để người học xác định những nội dung của môi trường tâm lý xã hội cho trẻ mầm non bao gồm: Xây dựng môi trường an toàn cho trẻ; Xây dựng môi trường phong phú; Xây dựng môi trường mà người lớn chăm sóc, giáo dục trẻ bằng giao tiếp trực tiếp và thường xuyên; Xây dựng môi trường tự do; Xây dựng môi trường có sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau; Xây dựng môi trường khuyến khích trẻ tích cực, chủ động hoạt động Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng các phương thức và kỹ thuật để xây dựng, thiết kế và tổ chức môi trường tâm lý xã hội cho trẻ mầm non theo từng độ tuổi một cách hiệu quả.	Khoa Sư phạm
88	SG056	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non	2	Học phần <i>Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non</i> trang bị cho người học những kiến thức chung về trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm; tạo điều kiện cho người học nghiên cứu, phân tích những nội dung, địa chỉ cụ thể có thể tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ trong trường mầm non. Học phần còn giới thiệu đến người học một số mô hình trải nghiệm, các nguyên tắc xây dựng, nội dung và cấu trúc của một mô hình hoạt động trải nghiệm, cũng như quy trình thiết kế một hoạt động theo hướng trải nghiệm cho trẻ trong nhà trường mầm non. Trên cơ sở đó, học phần góp phần hình thành cho người học kỹ năng thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm phù hợp cho trẻ ở trường mầm non.	Khoa Sư phạm

## 6. Phương pháp giảng dạy và học tập

- Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của môn học, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học.

- Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học thì có các hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học thì giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy và học đa dạng: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp dự án, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập, ...

## 7. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt quá trình đào tạo) và đánh giá định kỳ chia làm hai lần: đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp, ...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

Cần Thơ, ngày 17 tháng 3 năm 2023

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG KHOA**



**Huỳnh Anh Huy**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

A handwritten signature in black ink.

**Trịnh Thị Hương**